

Số: 134 /2013/TTLT-BTC-BLĐTBXH

Hà Nội, ngày 25 tháng 9 năm 2013

THÔNG TƯ LIÊN TỊCH

Hướng dẫn nội dung, mức chi cho công tác hỗ trợ nạn nhân quy định tại Nghị định số 09/2013/NĐ-CP ngày 11/01/2013 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật phòng, chống mua bán người

Căn cứ Luật phòng, chống mua bán người ngày 29/3/2011;

Căn cứ Nghị định số 09/2013/NĐ-CP ngày 11/01/2013 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật phòng, chống mua bán người (sau đây gọi tắt là Nghị định số 09/2013/NĐ-CP);

Căn cứ Nghị định số 118/2008/NĐ-CP ngày 27/11/2008 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Tài chính;

Căn cứ Nghị định số 106/2012/NĐ-CP ngày 20/12/2012 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Lao động-Thương binh và Xã hội;

Bộ trưởng Bộ Tài chính, Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội ban hành Thông tư liên tịch hướng dẫn nội dung, mức chi cho công tác hỗ trợ nạn nhân quy định tại Nghị định số 09/2013/NĐ-CP ngày 11/01/2013 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật phòng, chống mua bán người.

Điều 1. Phạm vi và đối tượng áp dụng

1. Phạm vi áp dụng:

a) Thông tư này quy định nội dung, mức chi cho công tác hỗ trợ nạn nhân; chế độ hỗ trợ nạn nhân quy định tại Nghị định số 09/2013/NĐ-CP từ nguồn dự toán chi thường xuyên ngân sách nhà nước hàng năm của các cơ quan, đơn vị theo quy định của Luật Ngân sách nhà nước và các văn bản hướng dẫn thực hiện Luật.

b) Trường hợp sử dụng nguồn hỗ trợ của các tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước cho công tác hỗ trợ nạn nhân, chế độ hỗ trợ nạn nhân thực hiện theo quy định của Bộ Tài chính và nhà tài trợ; trường hợp nhà tài trợ hoặc đại diện có thẩm quyền của nhà tài trợ và Bộ Tài chính chưa có thoả thuận về mức chi thì áp dụng theo mức chi quy định tại Thông tư này.

2. Đối tượng áp dụng: Thông tư này áp dụng đối với các cơ quan, đơn vị, tổ chức, cá nhân sử dụng kinh phí từ ngân sách nhà nước để thực hiện nhiệm vụ hỗ trợ nạn nhân và chế độ hỗ trợ nạn nhân.

Điều 2. Nguồn kinh phí thực hiện

1. Ngân sách nhà nước bố trí kinh phí chi cho công tác hỗ trợ nạn nhân, chế độ hỗ trợ trực tiếp cho nạn nhân trong dự toán chi thường xuyên hàng năm của các Bộ, ngành và địa phương theo phân cấp của Luật Ngân sách nhà nước.

2. Ngân sách địa phương hỗ trợ cho các cơ sở hỗ trợ nạn nhân để thực hiện hỗ trợ nhu cầu thiết yếu và chi phí đi lại, hỗ trợ y tế, hỗ trợ tâm lý cho nạn nhân theo quy định tại Điều 19, Điều 20 và Điều 21 Nghị định số 09/2013/NĐ-CP và mức chi quy định tại Thông tư này trên cơ sở số nạn nhân được cơ sở trợ giúp.

3. Tài trợ của các tổ chức, cá nhân trong nước và ngoài nước.

4. Các nguồn hợp pháp khác theo quy định của pháp luật.

Điều 3. Nội dung và mức chi cho công tác hỗ trợ nạn nhân

Nội dung và mức chi cho công tác hỗ trợ nạn nhân thực hiện theo chế độ chi tiêu tài chính hiện hành đối với cơ quan nhà nước và đơn vị sự nghiệp công lập. Thông tư này hướng dẫn cụ thể một số nội dung, mức chi sau:

1. Chi công tác phí cho cán bộ phục vụ hoạt động xác minh, tiếp nhận, giải cứu, bảo vệ và đưa nạn nhân là người chưa thành niên về nơi cư trú; tổ chức hội nghị, hội thảo, tập huấn nghiệp vụ. Nội dung và mức chi thực hiện theo quy định tại Thông tư số 97/2010/TT-BTC ngày 06/7/2010 của Bộ Tài chính quy định chế độ công tác phí, chế độ chi tổ chức các cuộc hội nghị đối với các cơ quan nhà nước và đơn vị sự nghiệp công lập.

2. Chi hợp tác quốc tế trong việc tiếp nhận, xác minh nạn nhân. Nội dung và mức chi thực hiện theo quy định tại Thông tư số 102/2012/TT-BTC ngày 21/6/2012 quy định chế độ công tác phí cho cán bộ, công chức Nhà nước đi công tác ngắn hạn ở nước ngoài do ngân sách nhà nước bảo đảm kinh phí; Thông tư số 01/2010/TT-BTC ngày 06/01/2010 quy định chế độ chi tiêu đón tiếp khách nước ngoài vào làm việc tại Việt Nam, chi tiêu tổ chức các hội nghị, hội thảo quốc tế tại Việt Nam và chi tiêu tiếp khách trong nước; Thông tư số 219/2009/TT-BTC ngày 19/11/2009 quy định một số định mức chi tiêu áp dụng cho các dự án/chương trình sử dụng nguồn vốn hỗ trợ phát triển chính thức (ODA) và Thông tư số 192/2011/TT-BTC ngày 26/12/2011 sửa đổi bổ sung một số điều của Thông tư số 219/2009/TT-BTC ngày 19/11/2009 của Bộ Tài chính.

3. Chi chế độ làm đêm, thêm giờ: Thực hiện theo quy định hiện hành của pháp luật về chế độ trả lương làm việc vào ban đêm, làm thêm giờ đối với cán bộ công chức, viên chức.

4. Chi xây dựng cơ sở dữ liệu và cập nhật thông tin về nạn nhân: Nội dung và mức chi thực hiện theo quy định tại Thông tư liên tịch số 19/2012/TTLT-BTC-BKH&ĐT-BTTTT ngày 15/02/2012 của liên Bộ Tài

chính- Bộ Kế hoạch và Đầu tư - Bộ Thông tin và Truyền thông hướng dẫn quản lý và sử dụng kinh phí thực hiện Chương trình quốc gia về ứng dụng công nghệ thông tin trong hoạt động của cơ quan nhà nước và Thông tư số 194/2012/TT-BTC ngày 15/11/2012 của Bộ Tài chính hướng dẫn mức chi tạo lập thông tin điện tử nhằm duy trì hoạt động thường xuyên của các cơ quan, đơn vị sử dụng ngân sách nhà nước.

5. Chi mua sắm trang thiết bị đặc thù phục vụ xác minh, tiếp nhận, giải cứu, bảo vệ nạn nhân thực hiện theo quy định hiện hành của pháp luật về đấu thầu.

6. Chi thông tin liên lạc, in ấn tài liệu, văn phòng phẩm, chi khác có liên quan đến công tác hỗ trợ nạn nhân. Mức chi căn cứ vào hoá đơn, chứng từ chi tiêu hợp pháp và trong phạm vi dự toán được cấp có thẩm quyền giao.

7. Chi lập hồ sơ nạn nhân, mức chi 100.000 đồng/01 hồ sơ (bao gồm cả ảnh, biên bản xác minh, biên bản bàn giao nạn nhân).

8. Chi hỗ trợ người không hưởng lương từ ngân sách nhà nước trực tiếp tham gia quản lý, bảo vệ nạn nhân. Mức chi tối đa 100.000 đồng/người/ngày.

9. Chi hỗ trợ cho cán bộ được giao nhiệm vụ tư vấn tâm lý cho nạn nhân. Mức chi thù lao là 10.000 đồng/người được tư vấn/lần tư vấn nhưng không quá 500.000 đồng/cán bộ/tháng.

Điều 4. Nội dung và mức chi chế độ hỗ trợ trực tiếp cho nạn nhân

1. Chi hỗ trợ nhu cầu thiết yếu và chi phí đi lại theo Điều 19 Nghị định số 09/2013/NĐ-CP:

a) Tiền ăn: Hỗ trợ tiền ăn trong thời gian nạn nhân tạm trú tại cơ sở bảo trợ xã hội, cơ sở hỗ trợ nạn nhân (sau đây gọi tắt là cơ sở): Mức hỗ trợ tối thiểu 30.000 đồng/người/ngày. Thời gian hỗ trợ từ nguồn ngân sách nhà nước tối đa không quá 60 (sáu mươi) ngày.

b) Hỗ trợ quần áo, vật dụng sinh hoạt cá nhân cần thiết: Nạn nhân trong thời gian lưu trú tại cơ sở được cấp 02 (hai) bộ quần áo dài, 02 (hai) bộ quần áo lót, khăn mặt, dép nhựa, bàn chải, thuốc đánh răng, xà phòng, băng vệ sinh (đối với nạn nhân là nữ). Mức chi được tính trên cơ sở giá mua thực tế tại địa phương nhưng không quá 400.000 đồng/nạn nhân.

c) Chi tiền tàu xe và tiền ăn cho nạn nhân có nguyện vọng trở về nơi cư trú nhưng không có khả năng chi trả:

- Tiền tàu xe: Mức chi theo giá phương tiện công cộng phổ thông. Trường hợp nạn nhân là người chưa thành niên, cơ quan, đơn vị tiếp nhận, giải cứu, hỗ trợ nạn nhân bố trí cán bộ đưa nạn nhân về nơi cư trú bằng phương tiện của cơ quan, đơn vị, chi phí tính theo số km và tiêu hao nhiên liệu thực tế; trường hợp thuê xe bên ngoài thì giá thuê xe theo hợp đồng thỏa thuận và phù hợp với giá cả trên địa bàn cùng thời điểm.

- Tiền ăn trong những ngày đi đường: mức tối thiểu là 40.000

đồng/người/ngày, tối đa không quá 5 ngày.

2. Chi hỗ trợ y tế theo Điều 20 Nghị định số 09/2013/NĐ-CP:

a) Hỗ trợ tiền thuốc thông thường: Trong thời gian nạn nhân lưu trú tại cơ sở được hỗ trợ mức 50.000 đồng/nạn nhân.

b) Trường hợp nạn nhân bị ốm nặng phải chuyển đến cơ sở y tế điều trị thì chi phí khám bệnh, chữa bệnh tại cơ sở y tế do nạn nhân hoặc gia đình nạn nhân tự thanh toán.

- Đối với nạn nhân thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo, gia đình chính sách theo Pháp lệnh ưu đãi người có công với cách mạng, người chưa thành niên được cơ sở hỗ trợ chi phí khám bệnh, chữa bệnh theo mức bằng mức quỹ bảo hiểm y tế chi trả cho các đối tượng tương ứng.

- Đối với nạn nhân không còn thân nhân được cơ sở hỗ trợ chi phí khám bệnh, chữa bệnh theo mức bằng mức quỹ bảo hiểm y tế chi trả cho đối tượng thuộc hộ nghèo.

- Trường hợp đối tượng có thẻ bảo hiểm y tế còn thời hạn sử dụng thì được quỹ bảo hiểm y tế chi trả chi phí khám bệnh, chữa bệnh theo quy định của pháp luật về bảo hiểm y tế.

c) Trường hợp nạn nhân chết trong thời gian lưu trú tại cơ sở, sau 24 (hai mươi bốn) giờ, kể từ khi có kết luận của các cơ quan có thẩm quyền mà thân nhân không đến kịp hoặc không có điều kiện mai táng thì cơ sở có trách nhiệm tổ chức mai táng. Chi phí giám định pháp y, chi phí mai táng thực hiện theo quy định đối với đối tượng tại các Trung tâm bảo trợ xã hội.

3. Chi hỗ trợ học văn hóa, học nghề, trợ cấp khó khăn ban đầu theo Điều 23 Nghị định số 09/2013/NĐ-CP:

a) Chi hỗ trợ học văn hóa, học nghề:

- Nạn nhân được miễn, giảm học phí và hỗ trợ chi phí học tập theo quy định tại Nghị định số 49/2010/NĐ-CP ngày 14/5/2010 quy định về miễn, giảm học phí, hỗ trợ chi phí học tập và cơ chế thu, sử dụng học phí đối với cơ sở giáo dục thuộc hệ thống giáo dục quốc dân từ năm học 2010 – 2011 đến năm học 2014 – 2015, Nghị định số 74/2013/NĐ-CP ngày 15/7/2013 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số Điều của Nghị định số 49/2010/NĐ-CP và văn bản hướng dẫn Nghị định.

- Trường hợp nạn nhân học nghề trình độ sơ cấp nghề và dạy nghề dưới 3 tháng được hỗ trợ một lần chi phí học nghề. Mức hỗ trợ theo chi phí đào tạo nghề ngắn hạn tương ứng tại các cơ sở đào tạo nghề ở địa phương nhưng tối đa không vượt quá mức quy định tại Quyết định số 1956/QĐ-TTg ngày 27/11/2009 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Đề án đào tạo nghề cho lao động nông thôn và các văn bản hướng dẫn thực hiện Quyết định số 1956/QĐ-TTg.

b) Chi hỗ trợ một lần tiền trợ cấp khó khăn ban đầu đối với nạn nhân thuộc hộ nghèo khi trở về nơi cư trú mức tối thiểu là 1.000.000 đồng/người.

Điều 5. Nội dung và mức chi hỗ trợ nạn nhân trong thời gian chờ thu xếp về nước do cơ quan đại diện Việt Nam ở nước ngoài thực hiện

1. Nguồn kinh phí hỗ trợ từ Quỹ Bảo hộ công dân và pháp nhân Việt Nam ở nước ngoài theo Quyết định số 119/2007/QĐ-TTg ngày 25/7/2007 của Thủ tướng Chính phủ và Thông tư số 92/2013/TT-BTC ngày 8/7/2013 của Bộ Tài chính quy định chế độ quản lý tài chính Quỹ Bảo hộ công dân và pháp nhân Việt Nam ở nước ngoài.

2. Trong thời gian chờ xác minh và làm các thủ tục giấy tờ cần thiết để về nước, trong trường hợp nạn nhân không có khả năng chi trả được hỗ trợ nhu cầu thiết yếu và chi phí đi lại theo quy định tại Điều 33 Luật phòng, chống mua bán người. Nội dung và mức hỗ trợ cụ thể như sau:

a) Tiền ăn, chỗ ở tạm thời cho nạn nhân: áp dụng mức sinh hoạt phí tối thiểu quy định tại điểm 2, phần II, Thông tư liên tịch số 29/2006/TTLT-BNG-BNV-BTC-BLĐTBXH ngày 08/11/2006 của Bộ Ngoại giao, Bộ Nội vụ, Bộ Tài chính, Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội hướng dẫn thực hiện Nghị định số 157/2005/NĐ-CP ngày 23/12/2005 của Chính phủ quy định một số chế độ đối với cán bộ, công chức công tác nhiệm kỳ tại cơ quan Việt Nam ở nước ngoài và Thông tư liên tịch số 01/2010/TTLT-BNG-BNV-BTC-BLĐTBXH ngày 27/04/2010 của Bộ Ngoại giao, Bộ Nội vụ, Bộ Tài chính, Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội sửa đổi, bổ sung Thông tư liên tịch số 29/2006/TTLT-BNG-BNV-BTC-BLĐTBXH.

b) Hỗ trợ quần áo, vật dụng sinh hoạt cá nhân cần thiết, trợ giúp phương tiện đi lại tại nước sở tại và các chi phí cần thiết khác liên quan đến cấp giấy tờ, làm thủ tục về nước như: lệ phí lưu trú quá hạn, lệ phí sân bay, lệ phí cấp giấy tờ về nước, chi phí bảo đảm an ninh, chi phí dịch thuật. Mức chi do Thủ trưởng cơ quan đại diện Việt Nam ở nước ngoài quyết định và theo chứng từ chi tiêu thực tế trên tinh thần tiết kiệm nhất.

c) Chi phí mua vé máy bay, tàu, xe đối với nạn nhân có nguyện vọng trở về nơi cư trú mà không có khả năng chi trả (do cơ quan đại diện Việt Nam ở nước ngoài mua và cấp cho nạn nhân) theo giá vé phương tiện công cộng thông thường để đưa nạn nhân về đến cửa khẩu, biên giới đường không, đường bộ, đường thủy.

d) Trong thời gian chờ thu xếp về nước, nếu nạn nhân bị ốm phải điều trị tại các bệnh viện sở tại thì cơ quan đại diện Việt Nam ở nước ngoài tập hợp các khoản chi phí kèm theo chứng từ cần thiết theo quy định để xem xét hỗ trợ chi trả cho từng trường hợp cụ thể. Trường hợp nạn nhân chết thì cơ quan đại diện Việt Nam ở nước ngoài xem xét, hỗ trợ chi phí mai táng/hỏa táng hoặc chi phí vận chuyển thi hài/di hài nạn nhân về nước theo cước phí vận chuyển thực tế với mức chi phí tiết kiệm nhất.

Điều 6. Lập, chấp hành và quyết toán kinh phí thực hiện công tác hỗ trợ nạn nhân và chế độ hỗ trợ nạn nhân

1. Việc lập dự toán, phân bổ, chấp hành và quyết toán kinh phí thực hiện công tác hỗ trợ nạn nhân, chế độ hỗ trợ nạn nhân của các cơ quan, đơn vị thực hiện theo quy định của Luật Ngân sách nhà nước và các văn bản hướng dẫn Luật.

2. Thông tư này hướng dẫn việc hỗ trợ từ nguồn ngân sách địa phương đối với cơ sở hỗ trợ nạn nhân theo quy định tại khoản 3 Điều 3 Nghị định số 09/2013/NĐ-CP như sau:

a) Hàng năm, cùng thời gian quy định lập dự toán ngân sách nhà nước, Sở Lao động – Thương binh và Xã hội căn cứ nội dung và mức chi chế độ hỗ trợ nạn nhân quy định tại khoản 9 Điều 3, khoản 1 và khoản 2 Điều 4 Thông tư này và dự kiến số lượng nạn nhân vào lưu trú tại cơ sở hỗ trợ nạn nhân trên địa bàn (nếu có), lập dự toán kinh phí hỗ trợ cơ sở hỗ trợ nạn nhân và tổng hợp chung trong dự toán chi thường xuyên của cơ quan, gửi Sở Tài chính xem xét, tổng hợp trình cấp có thẩm quyền phê duyệt.

b) Định kỳ (3 tháng hoặc 6 tháng), căn cứ số lượng nạn nhân vào lưu trú tại cơ sở hỗ trợ nạn nhân (nếu có), cơ sở hỗ trợ nạn nhân có văn bản gửi Sở Lao động – Thương binh và Xã hội đề nghị hỗ trợ các chế độ cho nạn nhân quy định tại khoản 9 Điều 3, khoản 1 và khoản 2 Điều 4 Thông tư này, kèm theo các tài liệu sau:

- Bảng tổng hợp kinh phí đề nghị hỗ trợ;
- Danh sách nạn nhân được trợ giúp (ghi rõ số ngày từng nạn nhân thực tế tạm trú tại cơ sở);
- Biên bản bàn giao nạn nhân giữa đơn vị tiếp nhận, giải cứu nạn nhân và cơ sở hỗ trợ nạn nhân (nếu có);
- Danh sách cán bộ được giao nhiệm vụ tư vấn tâm lý cho nạn nhân;
- Các chứng từ chi tiêu có liên quan đến việc hỗ trợ nạn nhân (để đối chiếu, cơ sở hỗ trợ nạn nhân trực tiếp thực hiện lưu giữ theo quy định hiện hành).

c) Trong thời hạn tối đa 15 ngày làm việc, kể từ khi nhận đủ tài liệu của cơ sở hỗ trợ nạn nhân theo quy định, Sở Lao động – Thương binh và Xã hội có trách nhiệm thẩm định; cấp kinh phí hỗ trợ cho cơ sở hỗ trợ nạn nhân. Trường hợp không giải quyết hỗ trợ phải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do.

3. Căn cứ các mức chi quy định tại Thông tư này, tùy điều kiện cụ thể và khả năng ngân sách, Sở Lao động – Thương binh và Xã hội trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương xem xét, quyết định mức hỗ trợ cụ thể cho phù hợp.

Điều 7. Điều khoản thi hành

1. Thông tư này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 10 tháng 11 năm 2013.
2. Bãi bỏ Thông tư liên tịch số 116/2007/TTLT-BTC-BLĐTBXH ngày 27/9/2007 của liên Bộ Tài chính, Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội hướng dẫn nội dung chi, mức chi cho công tác xác minh, tiếp nhận và hỗ trợ phụ nữ, trẻ em bị buôn bán từ nước ngoài trở về tái hòa nhập cộng đồng theo Quyết định số 17/2007/QĐ-TTg ngày 29/01/2007 của Thủ tướng Chính phủ và Thông tư liên tịch số 113/2010/TTLT-BTC-BLĐTBXH ngày 3/8/2010 sửa đổi, bổ sung Thông tư liên tịch số 116/2007/TTLT-BTC-BLĐTBXH.
3. Trường hợp các văn bản được dẫn chiếu tại Thông tư này được sửa đổi, bổ sung, thay thế thì thực hiện theo văn bản mới ban hành.
4. Trong quá trình triển khai thực hiện, nếu có vướng mắc, đề nghị phản ánh về Bộ Tài chính để phối hợp với Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội nghiên cứu, giải quyết./.

KT. BỘ TRƯỞNG
BỘ LAO ĐỘNG - THƯƠNG BINH VÀ XÃ HỘI



Nguyễn Trọng Đàm

KT. BỘ TRƯỞNG
BỘ TÀI CHÍNH
THỦ TƯỚNG



Nguyễn Thị Minh

Nơi nhận:

- Ban Bí thư TW, Thủ tướng Chính phủ, các Phó TTCP;
- Văn phòng Trung ương và các Ban của Đảng;
- Văn phòng Tổng Bí thư;
- VP Quốc hội, VP Chủ tịch nước
- Văn phòng Chính phủ;
- Văn phòng BCĐTW về phòng chống tham nhũng;
- Ủy ban Giám sát tài chính Quốc gia;
- Các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ;
- UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc TW;
- Tòa án nhân dân tối cao;
- Viện Kiểm sát nhân dân tối cao, Kiểm toán Nhà nước;
- Cơ quan Trung ương của các đoàn thể;
- Sở LĐTBXH, Sở Tài chính các tỉnh, TP trực thuộc TW;
- Cục Kiểm tra văn bản quy phạm pháp luật-Bộ Tư pháp;
- Công báo;
- Công TTĐT: Chính phủ, Bộ TC, Bộ LĐTBXH;
- Các đơn vị thuộc BTC, Bộ LĐTBXH;
- Lưu VT: Bộ TC, Bộ LĐTBXH (400 b).